TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 534/2019/QĐ-PT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đỗ Đình Thanh

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số: 94/2018/QĐST-HC ngày 31 tháng 10 năm 2018;

Toà án nhân dân tỉnh B đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 1 Điều 123; điểm g, h khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật tố tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc *"Khiếu kiện đối với hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi 18.000m^2 đất tại Đội 1, xã Bàu Lâm, huyện X, tỉnh B nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không đền bù, hỗ trợ hoặc trả lại cho bà Trần Thị H"* giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 1, ấp B, xã T, huyện X, tỉnh B.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh B;

Địa chỉ: Số 151 Quốc lộ 55, thị trấn P, huyện X, tỉnh B;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: Số 01 đường P, phường P, thành phố B, tỉnh B.

3.2. Công ty Cổ phần Cao su T;

Địa chỉ: Số 256 đường 27/4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

3.3. Công ty Cổ phần nông nghiệp H;

Địa chỉ: Số 60B đường N, phường Đ, quận 1, Thành phố H.

Tại đơn kháng cáo ngày 12 tháng 11 năm 2018, người khởi kiện bà Trần

Thị H kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số: 94/2018/QĐST-HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nói trên.

XÉT THẤY:

[1]. Ngày 20 tháng 4 năm 1994, UBND tỉnh B có Quyết định số 743/QĐ-UBT về việc giải quyết đơn khiếu nại của các hộ dân Bàu Ngứa, xã B, huyện X (trong đó có hộ ông Phan Văn T, chồng bà Trần Thị H) có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường công khai phá đất, hoa màu, nhà cửa của 28 hộ dân, vì:

Vùng đất nói trên là khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn, đã được Chính phủ phê duyệt đưa vào quy hoạch đầu tư trồng cây cao su. Việc 28 hộ dân tự ý phá rừng làm rẫy, cư trú, canh tác trái phép là vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước.

Công ty Cao su T (đơn vị được Chính phủ giao đất để trồng cây cao su) đã giải quyết trả tiền công lao động, công dọn cây cho tất cả 342 hộ dân trong khu vực (trong đó có cả các hộ có đơn khiếu nại nói trên) là phù hợp với giá lao động thực tế tại địa bàn huyện X.

[2]. Ngày 08 tháng 12 năm 1998, UBND tỉnh B có Quyết định 3166/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của 54 hộ dân với nội dung bác đơn khiếu nại.

Ngày 01 tháng 7 năm 1999, UBND tỉnh B có Quyết định số 3403/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của 54 hộ dân, thuộc Đông lộ 328, xã Bàu Lâm, huyện X, tỉnh B với nội dung: Bác đơn khiếu nại của 54 hộ dân, thuộc Đông lộ 328, xã B, huyện X, yêu cầu đòi bồi thường công khai phá đất, hoa màu.

Ngày 31 tháng 3 năm 2004, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 932/BTNMT-TTr về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn G, với nội dung: Vụ khiếu nại của ông đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Thanh tra Nhà nước xem xét giải quyết và thống nhất với nội dung Quyết định số 3403/QĐ- UB ngày 01/7/1999 của UBND tỉnh B.

[3]. Ngày 07/02/2018, bà Trần Thị H khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện X, với nội dung cho rằng UBND huyện X thu hồi 18.000m^2 không ban hành quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, diện tích 18.000m^2 thuộc khu đất rừng phòng hộ, nhà nước quản lý; bà Trần Thị H cũng như các hộ khác

tự ý khai phá đất rừng phòng hộ là trái pháp luật, nên không thuộc trường hợp phải có quyết định thu hồi đất.

Nội dung khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ công khai phá đất, đã được UBND tỉnh B và Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết khiếu nại từ năm 1994 đến năm 2004; lẽ ra bà Trần Thị H không chấp nhận nội dung giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh B, Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bà Trần Thị H phải khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án từ ngày 01/7/2011 đến ngày 01/7/2012, theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2010. Do đó, năm 2018 bà Trần Thị H khởi kiện, cấp sơ thẩm xác định hết thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4]. Nay bà Trần Thị H cho rằng đã khiếu nại liên tục nên không tính thời hiệu là không phù hợp với quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 của Quốc Hội về hướng dẫn thi hành Luật tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 94/2018/QĐST-HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Bà Trần Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 33 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H;

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số: 94/2018/QĐST-HC ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006045 ngày 17/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp**

Đặng Văn Thành **Đỗ Đình Thanh** **Đặng Văn Ý**

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh BRVT;
– VKSND tỉnh BRVT;
– Cục THADS tỉnh BRVT;
– Các đương sự (5);
– Lưu (3) 13b (QĐ-PTHH).

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Văn Ý

Các thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp**

Trần Xuân Minh